

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BA CHÈ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1724/QĐ-UBND

Ba Chẽ, ngày 29 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000
xã Minh Cầm, huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2040**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BA CHÈ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009; Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 44/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 3825/QĐ-UBND huyện Ba Chẽ, ngày 14/10/2022 về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 xã Minh Cầm, huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2040;

Căn cứ Thông báo số 315-TB/HU ngày 03/01/2023 của Huyện ủy Ba Chẽ về Kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy tại Hội nghị (phiên chuyên đề) ngày 03/01/2023;

Căn cứ Công văn số 3674/UBND-NLN1 ngày 10/6/2022 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc đẩy nhanh hoàn thiện tiêu chí quy hoạch theo tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Tờ trình số 67/TTr-KTHT ngày 24/3/2023 về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 xã Minh Cầm, huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2040.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng tỉ lệ 1/5000 xã Minh Cẩm, huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2040, với các nội dung chính sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng tỉ lệ 1/5000 xã Minh Cẩm, huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2040.

2. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô và thời hạn quy hoạch

2.1. Vị trí, phạm vi ranh giới: Phía Đông giáp xã Đạp Thanh; phía Tây giáp xã Kỳ Thượng, Thành phố Hạ Long; phía Nam giáp xã Đồng Sơn, Thành phố Hạ Long; phía Bắc giáp xã Lương Mông.

2.2. Quy mô diện tích: 3.316,03 ha.

2.3. Thời hạn lập quy hoạch: Đến năm 2040.

3. Mục tiêu, tính chất, chức năng

3.1. Mục tiêu

- Định hướng phát triển quy hoạch chung xây dựng xã đảm bảo tính liên kết vùng, cụ thể hóa Quy hoạch chung xây dựng vùng huyện Ba Chẽ đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050.

- Xây dựng phát triển không gian trên địa bàn xã phù hợp với đặc điểm sinh thái, tập quán sinh hoạt, sản xuất dân cư trong vùng và đáp ứng được các tiêu chí về nông thôn mới.

- Đề xuất xây dựng trung tâm xã và các cụm thôn, điểm dân cư đảm bảo bán kính phục vụ về các chức năng giáo dục, thương mại dịch vụ và các chức năng mới phù hợp với tình hình phát triển và yêu cầu chuyển đổi ngành nghề.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc phát triển các điểm dân cư và hệ thống kết cấu hạ tầng, cùng với ổn định quỹ đất sản xuất nông nghiệp. Tạo tiền đề cho việc hướng dẫn, quản lý đất đai và đầu tư xây dựng theo quy hoạch trên địa bàn xã.

- Đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện, nâng cấp hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp điện, cấp nước,...) cơ sở hạ tầng xã hội (các công trình công cộng: Hành chính chính trị, y tế, văn hoá, giáo dục).

3.2. Tính chất, chức năng

- Theo định hướng quy hoạch xây dựng vùng huyện, xã Minh Cẩm thuộc phân vùng 1 “Vùng có địa hình cao, phát triển du lịch sinh thái và hình thành các khu đô thị mới”.

- Là nơi phát triển trồng rừng gỗ lớn, trồng rừng nguyên liệu, trồng và chế biến dược liệu có giá trị kinh tế cao. Kết hợp phát triển du lịch sinh thái, trải nghiệm gắn với sản xuất, chế biến nông, lâm sản.

4. Dự báo quy mô dân số, lao động, quy mô đất xây dựng, các chỉ tiêu đất đai và hạ tầng kỹ thuật

4.1. Dự báo quy mô dân số:

- Hiện trạng: 589 người;

- Đến năm 2030: Khoảng 700 người;
- Đến năm 2040: Khoảng 2.000 người.

4.2. Quy mô lao động

- Hiện trạng: 407 người;
- Đến năm 2030: Khoảng 485 người.
- Đến năm 2040: Khoảng 1.388 người.

4.3. Quy mô đất đai chủ yếu

TT	Nội dung	Hiện trạng (ha)	Năm 2030 (ha)	Năm 2040 (ha)
1	Đất nông nghiệp	3.047,07	3.184,3	3.161,05
2	Đất xây dựng	29,34	57,55	81,61
3	Đất khác	239,62	72,89	72,17
	Tổng diện tích	3.316,03	3.316,03	3.316,03

4.4. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chính

TT	Loại đất	Đến năm 2030		Đến năm 2040	
		Diện tích (m ²)	Chỉ tiêu (m ² /người)	Diện tích (m ²)	Chỉ tiêu (m ² /người)
1	Đất ở	18,07	258,1	38,96	195
2	Đất xây dựng công trình công cộng, dịch vụ	2,05	29,3	2,05	10,25
3	Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật	12,6	180	13,47	67,3
4	Cây xanh công cộng	1,87	26,7	4,17	20,8

5. Định hướng phát triển không gian

5.1. Phân bố không gian phát triển

- Cụm 1: (bao gồm 02 thôn phía Tây Bắc của xã: Khe Áng và Đồng Doong), diện tích khu vực khoảng 1.224 ha; là vùng phát triển nguyên liệu gỗ lớn, phát triển kinh tế rừng đa mục tiêu; bảo tồn rừng phòng hộ, nghiên cứu giống và sản xuất tập trung cây dược liệu quý của huyện. Phát triển du lịch văn hóa lịch sử kết hợp với xã Lương Mông, khu di tích Khe Lao.

- Cụm 2: (bao gồm 02 thôn Đồng Tán, Đồng Quánh), diện tích khu vực khoảng 1.224 ha, xây dựng khu trung tâm hành chính của xã tại thôn Đồng Tán. Là vùng phát triển nguyên liệu gỗ lớn, phát triển kinh tế rừng đa mục tiêu. Phát triển du lịch nghỉ dưỡng trải nghiệm (phát triển dù lượn, phượt ...); du lịch sinh thái Khe Khoai, du lịch sinh thái gắn với lịch sử khu ao tiên thuộc thôn Đồng Tán. Phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp tại thôn Đồng Tán.

5.2. Định hướng phát triển khu trung tâm xã

Khu trung tâm xã Minh Cầm có quy mô 15,17 ha đặt tại thôn Đồng Tán. Quy mô dân số dự kiến khoảng 80 hộ. Tại trung tâm xã bố trí các công trình quan trọng phục vụ nhu cầu giao dịch hành chính, mua bán, nghỉ ngơi, giải trí, chỉ tiêu đất đai cho một số công trình chính theo QCVN01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng:

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp: Bố trí đủ đất cho mở rộng, nâng cấp và xây mới trụ sở các cơ quan hành chính sự nghiệp, văn phòng đại diện của các ngành, trụ sở UBND.

- Đất cơ sở y tế: Chinh trang, tu sửa trạm y tế xã hiện trạng nhằm đáp ứng nhu cầu làm việc của cán bộ y tế và khám bệnh của người dân.

- Đất cơ sở văn hóa – thể thao: Bố trí đủ đất đai tại khu trung tâm xây dựng công trình nhà văn hóa xã, gắn với xây dựng công trình thể thao tạo thành cụm văn hóa thể thao trong trung tâm xã đáp ứng yêu cầu phát triển phong trào thể thao quần chúng.

- Đất cơ sở giáo dục, đào tạo: Dành quỹ đất phù hợp đủ theo tiêu chuẩn để xây dựng hệ thống các công trình trường học đủ các cấp được tính toán theo quy mô dân số trong giai đoạn lập quy hoạch. Ưu tiên xây dựng mới trường Mầm non Minh Cầm quy mô 0,5ha.

- Đất chợ: Dành quỹ đất phù hợp cho việc quy hoạch mới chợ trung tâm xã Minh Cầm đáp ứng yêu cầu phát triển, sản xuất tạo ra nhiều hàng hóa đa dạng và phong phú dẫn đến nhu cầu giao lưu trao đổi hàng hóa ngày càng cao.

- Đất an ninh – quốc phòng: Phát triển kinh tế gắn với bảo đảm mục tiêu giữ gìn trật tự an ninh - quốc phòng. Trong tương lai, việc bố trí đất cho việc xây dựng trụ sở công an, trụ sở quân sự cấp xã cần được ưu tiên, vị trí quy hoạch đảm bảo trong bán kính <1000m so với Trụ sở UBND xã và các công trình công cộng.

- Các lô nhà ở xây dựng mới: Dành các quỹ đất còn lại có khả năng sử dụng để tổ chức các lô nhà xen kẽ các khu cây xanh, dự trữ cho việc phát triển dân cư trong xã: Nhà ở liền kề: Diện tích mỗi lô nhà từ 100 – 120 m². Nhà ở có sân, vườn: ở kết hợp với phát triển sản xuất: trồng trọt, chăn nuôi. Diện tích mỗi lô nhà từ 200 - 300m².

Quy hoạch các chỉ tiêu đất khu trung tâm:

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng		Quy hoạch 2040	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	TỔNG CỘNG		100,00		100,00
A	Đất nông nghiệp	8,89	58,6	0	0
B	Đất xây dựng	5,73	37,78	15,17	100
1	Đất công cộng, dịch vụ	0,65	4,28	2,96	
2	Đất xây dựng nhà ở	1,46	9,62	5,35	

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng		Quy hoạch 2040	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
3	Đất cây xanh	1,47	9,69	3,29	
4	Đất giao thông, mặt nước, hạ tầng kỹ thuật khác	2,15	14,18	3,57	
C	Đất khác	0,55	3,62	0	0

5.3. Định hướng kiến trúc cho các công trình công cộng, dịch vụ

a. Công trình công cộng, dịch vụ cấp xã

TT	Công trình	Địa điểm	Hiện trạng (ha)	Quy hoạch năm 2040 (ha)	Phương án quy hoạch
A	Công trình công cộng				
1	Trụ sở UBND xã	Khu trung tâm xã	0,21	0,21	Giữ nguyên hiện trạng
2	Buru điện	Khu trung tâm xã	0,2	0,2	Giữ nguyên hiện trạng
3	Trạm y tế	Khu trung tâm xã	0,15	0,15	Giữ nguyên hiện trạng
4	Trung tâm văn hóa - thể thao	Khu trung tâm xã	0,4	0,4	Giữ nguyên hiện trạng
5	Trường Mầm non Minh Cầm	Khu trung tâm xã	-	0,42	Bổ sung quy hoạch mới
6	Trường tiểu học Minh Cầm	Khu trung tâm xã	0,37	0,37	Giữ nguyên hiện trạng
7	Chợ Minh Cầm	Khu trung tâm xã	-	0,28	Bổ sung quy hoạch mới
8	Đất công cộng dự trữ	Khu trung tâm xã	-	0,28	Bổ sung quy hoạch mới
9	Sân thể thao xã	Khu trung tâm xã	-	0,53	Bổ sung quy hoạch mới

TT	Công trình	Địa điểm	Hiện trạng (ha)	Quy hoạch năm 2040 (ha)	Phương án quy hoạch
10	Bãi đỗ xe	Khu trung tâm xã	-	0,26	Bổ sung quy hoạch mới
B	Công trình đất an ninh, quốc phòng				
1	Trụ sở công an	Khu trung tâm xã	-	0,22	Bổ sung quy hoạch mới
2	Trụ sở quân sự	Khu trung tâm xã	-	0,25	Bổ sung quy hoạch mới

b. Công trình công cộng cấp thôn

TT	Công trình	Hiện trạng (ha)	Quy hoạch 2040 (ha)	Phương án quy hoạch
I	Thôn Đồng Quánh			
1	Nhà văn hóa thôn Đồng Quánh	0,2	0,2	Giữ nguyên hiện trạng
II	Thôn Đồng Doong			
1	Nhà văn hóa thôn Đồng Doong	0,14	0,14	Giữ nguyên hiện trạng
III	Thôn Đồng Tán			
1	Nhà văn hóa thôn Đồng Tán	0,14	0,14	Giữ nguyên hiện trạng, Định hướng NVH đảm bảo tiêu chuẩn.
IV	Thôn Khe Áng			
1	Nhà văn hóa thôn Khe Áng	0,2	0,2	Giữ nguyên hiện trạng

5.4. Định hướng quy hoạch khu dân cư mới và cải tạo

- Khu ở trung tâm xã: Phát triển mở rộng cải tạo kiến trúc cảnh quan, môi trường; khuyến khích phát triển hình thức ở kết hợp thương mại dịch vụ; phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật với các khu chức năng khác trong khu trung tâm.

- Các điểm dân cư hiện hữu trong xã: Phát triển các điểm dân cư tập trung tại các thôn xóm trong xã, hình thành trên cơ sở các cụm dân cư có sẵn tại các thôn và các nhóm ở tự phát, định hướng di dời về khu vực ở tập trung. Tiến hành cải tạo chỉnh trang khu ở, tường rào, đường ngõ xóm...

- Các khu ở mới: Nghiên cứu, bổ sung quỹ đất ở tại các vị trí dọc 2 bên đường trục đường liên xã, trục xã, hình thành các khu vực dân cư mới; cập nhật các Đồ án quy hoạch khu dân cư mới của xã Minh Cẩm đã được UBND huyện Ba Chẽ phê duyệt.

6. Quy hoạch sử dụng đất

Tổng diện tích tự nhiên toàn xã là 3.316,03 ha. Tổng hợp các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất của xã Minh Cẩm đến năm 2040 như sau:

- Đất nông nghiệp có 3.161,05 ha, chiếm 95,33 tổng diện tích tự nhiên, giảm 23,25 ha so với hiện trạng.

- Đất xây dựng có 81,61 ha, chiếm 2,28%, tăng 24,61 ha; bao gồm các loại: Đất ở, đất công cộng, đất cây xanh – TĐTT, đất cụm công nghiệp, đất các khu chức năng, đất hạ tầng kỹ thuật đầu mối, công an – quân sự...

- Đất khác (bao gồm đất chưa sử dụng và đất sông ngòi, mặt nước) có 72,17 ha, chiếm 2,18% tổng diện tích tự nhiên toàn xã, giảm 0,81 ha so với hiện trạng.

TT	Nội dung	Quy hoạch năm 2030		Quy hoạch năm 2040		Biến động diện tích cả giai đoạn (ha)
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
	Tổng diện tích	3.316,03	100,00	3.316,03	100,00	
1	Đất nông nghiệp	3.184,3	96,03	3.161,05	95,33	-23,25
1.1	Đất trồng lúa	32,71	0,99	32,01	0,97	-0,70
1.2	Đất trồng trọt khác	112,21	3,38	92,72	2,8	-19,49
1.3	Đất rừng sản xuất	2.096,64	63,22	2.014,72	60,76	-81,92
1.4	Đất rừng phòng hộ	942,43	28,42	1021,3	30,80	78,87
1.5	Đất rừng đặc dụng	-	-		0,00	
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	0,30	0,01	0,3	0,01	0,00
1.7	Đất làm muối	-	-			
1.8	Đất nông nghiệp khác	0,01	0,00	0,01		0,00
2	Đất xây dựng	57,55	1,73	81,61	2,28	24,61
2.1	Đất ở	18,07	0,54	38,96	1,17	20,89
2.2	Đất công cộng	2,05	0,06	2,05	0,06	0,00
2.3	Đất cây xanh, thể dục thể thao	1,87	0,06	4,17	0,13	2,30
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	8,00	0,24	8,00	0,24	0,00
2.5	Đất công nghiệp, TTCN và làng	1,88	0,057	1,88	0,057	1,88

TT	Nội dung	Quy hoạch năm 2030		Quy hoạch năm 2040		Biến động diện tích cả giai đoạn (ha)
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
	nghề					
2.6	Đất khoáng sản và vật liệu XD	0,7	0,02	0,7	0,02	0,00
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác	0,28	0,01	0,28	0,01	0,00
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật		-			0,00
2.8.1	<i>Đất giao thông</i>	<i>11,43</i>	<i>0,34</i>	11,43	0,34	0,00
2.8.2	<i>Đất xử lý chất thải rắn</i>	-	-			
2.8.3	<i>Đất nghĩa trang, nghĩa địa</i>	<i>8,30</i>	0,25	8,3	0,25	0,00
2.8.4	<i>Đất hạ tầng kỹ thuật khác</i>	-	-	0,87		
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	1,17	0,04	1,17	0,04	0,00
2.10	Đất quốc phòng, an ninh	3,80	0,11	3,8	0,11	0,00
3	Đất khác	72,98	2,20	72,17	2,18	-0,81
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối và mặt nước chuyên dùng	47,78	1,44	47,67	1,44	-0,11
3.2	Đất chưa sử dụng	25,20	0,76	24,5	0,74	-0,70

7. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật

7.1. Giao thông

a. Giao thông đối ngoại:

- Cải tạo 6,4 km đường Đồng Doong - Khe Càn (Đồng Quánh) (rộng nền đường 9m, rộng mặt đường 8m).

- Cải tạo đường Đồng Tân đi đường tỉnh 330 (rộng nền đường 8m, rộng mặt đường 7m) và 3,6 km đường từ Đồng Tân đi Khe Khây - Đạp Thanh (rộng nền đường 9m, rộng mặt đường 8m).

b. Giao thông đối nội:

- Hoàn thiện và cải tạo các tuyến đường đã có theo đúng cấp đường, mở rộng thêm một số tuyến đường mới tạo thành mạng lưới đường bộ.

- Tu bổ các tuyến đường xuống cấp, mở rộng các tuyến đường trong khu dân cư còn hẹp, đảm bảo cho công tác đi lại và vận chuyển cho nhân dân trong tương lai.

- Mở rộng, bê tông hóa các tuyến đường nội đồng để đảm bảo cho quá trình vận chuyển, sản xuất cho ngành nông nghiệp.

- Đầu tư xây dựng các tuyến giao thông trên địa bàn đạt tiêu chí nông thôn mới. Thiết kế theo tiêu chuẩn kỹ thuật được quy định, thực hiện tốt các chức năng liên kết kinh tế với các xã lân cận cũng như toàn huyện. Bố trí xây dựng đường nội đồng hoàn chỉnh, hợp lý để tạo điều kiện thuận lợi vận chuyển vật tư nông sản, đẩy mạnh công tác cơ giới hóa các khâu sản xuất.

7.2. Cao độ nền xây dựng

a. Đối với khu vực trung tâm xã

- Căn cứ vào cao độ thiết kế tại các tuyến đường hiện trạng và các công trình hiện hữu xác định cao độ không chế tại các nút giao thông các tuyến đường nội bộ. Nền xây dựng các khu vực mới gắn kết với khu vực cũ, đảm bảo thoát nước mặt tốt, đảm bảo chiều cao nền phù hợp với không gian kiến trúc và cảnh quan đô thị mới.

- Thiết kế san nền tuân thủ theo các cao độ không chế của các trục trục đường, độ dốc, hướng dốc của khu vực, kết hợp với việc xem xét các cao độ hiện trạng các tuyến đường để đảm bảo việc tôn nền đảm bảo tiêu thoát nước và không gây ảnh hưởng tới khu vực hiện trạng dân cư đang ổn định.

- Các tuyến giao thông thiết kế đường đồng mức với độ dốc theo đường giao thông. Độ dốc ngang lòng đường 2%, độ dốc ngang vỉa hè 1.5%.

b. Các khu vực khác

- Giữ nguyên cao độ nền hiện trạng, chỉ san ủi cục bộ tránh ngập úng. Từng bước nâng cao cốt nền sân vườn, các khu vực xen kẹt đến cao độ tối thiểu đối với khu vực xây mới.

- Tận dụng tối đa địa hình tự nhiên, chỉ san ủi cục bộ tạo mặt bằng xây dựng công trình. Có giải pháp kê gia cố nền móng công trình, nền đường giao thông. Bố trí mương hở đón nước mưa từ trên núi xuống để bảo đảm an toàn cho công trình.

7.3. Thủy lợi và thoát nước mặt

a. Thủy lợi: Nâng cấp và kiên cố hóa kênh cấp III đạt tỷ lệ 100%, chủ động tưới tiêu cho diện tích sản xuất nông nghiệp, đảm bảo cho hệ thống thủy lợi được liên hoàn, cải tạo và nâng cấp hệ thống thoát nước trong khu dân cư nông thôn, đảm bảo các cống, rãnh không bị tắc, nghẽn.

b. Thoát nước mặt

- Căn cứ vào mạng lưới thoát nước mưa hiện trạng, thiết kế mạng lưới nước công thu nước mưa trên lòng đường, vỉa hè và các lô đất xây dựng bằng các hố thu chảy vào cống thoát nước nắp đan đặt trên vỉa hè xả vào các tuyến mương thiết kế và mương thoát nước hiện trạng.

- Hướng thoát nước của khu vực thoát về sông Ba Chẽ, một phần nhỏ chảy theo các lạch suối và vệt tụ thủy của địa hình. Hệ thống thoát nước mưa hoạt động trên nguyên tắc tự chảy.

- Hệ thống công thoát nước mưa được bố trí tại các vị trí tụ thủy và sát công trình đảm bảo thu nước nhanh chóng và triệt để, tránh hiện trạng ứ đọng, ngập lụt vào mùa mưa.

- Tăng cường công tác duy tu, nạo vét định kỳ hệ thống thoát nước mưa. Tích trữ nước mưa tại công trình, tái sử dụng cho các mục đích sinh hoạt, tưới cây, rửa đường. Trong quá trình phát triển xây dựng cần hoàn trả các nương tưới, tiêu thủy lợi thủy lợi để phục vụ công tác sản xuất nông nghiệp.

7.4. Cấp điện

- Tổng nhu cầu cấp điện khu vực đến năm 2030 là: 120,05 kW, tương đương 141 KVA. Tổng nhu cầu cấp điện khu vực đến năm 2040 là: 478,2 kW, tương đương 562 KVA.

- Nguồn điện: Dự kiến nguồn điện chính cấp điện cho xã Minh Cầm là nguồn điện Quốc gia thông qua trạm biến áp 110KV Ba Chẽ dự kiến xây dựng mới đặt tại xã Nam Sơn và nguồn từ đường dây 110kV mạch kép trạm biến áp 220kV Hoàn Bồ (cấp điện cho 03 xã vùng 1).

- Lưới trung áp: Vẫn sử dụng các tuyến trung áp 35KV hiện trạng (30 km) và quy hoạch thêm một số tuyến đường dây mới theo các trạm biến áp dự kiến quy hoạch.

- Trạm lưới: Cải tạo, nâng công suất các trạm biến áp hạ thế hiện có. Bổ sung xây dựng mới các trạm hạ thế ở các điểm có phụ tải phát triển. Các trạm biến áp hạ thế xây dựng mới dùng loại trạm treo hoặc trạm xây, sử dụng máy biến áp có 2 đầu phân áp để thuận tiện cho việc nâng cấp điện áp về sau.

- Lưới hạ thế, chiếu sáng: Lưới điện hạ thế 0,4KV xây dựng mới kết cấu mạng hình tia, bố trí đi nổi trên cột bê tông ly tâm, sử dụng cáp vặn xoắn ABC bọc cách điện, bán kính phục vụ của lưới phải đảm bảo $\leq 300\text{m}$. Lưới điện chiếu sáng trên các trục đường chính bố trí đi ngầm riêng biệt, các trục đường ở khu vực thôn xóm bố trí đi nổi chung cột với lưới điện hạ thế, sử dụng cáp vặn xoắn ABC hoặc PVC bọc cách điện, bóng Sodium cao áp.

7.5. Cấp nước

- Tổng nhu cầu cấp nước toàn xã đến năm 2030 là 120m³/ng.đ; đến năm 2040 là 420 m³/ng.đ.

- Nguồn nước chính được sử dụng từ hồ chứa nước cho 4 xã vùng cao. Ngoài ra còn lấy từ các nguồn nước tự chảy từ đập dâng nước và các khe suối là các nguồn nước cấp cho khu vực nông thôn còn lại.

- Đối với các công trình cấp nước hiện trạng: Giai đoạn đến năm 2030, thường xuyên tu bổ, tăng cường kết nối với hệ thống nước sinh hoạt của cấp nước cho 04 xã vùng cao, cung cấp nước sạch tập trung cho người dân.

- Dự kiến công trình cấp nước chính cho xã Minh Cầm từ nhà máy nước cho 4 xã vùng cao công suất quy hoạch đến năm 2040 (3.000 m³/ngđ). Nguồn nước lấy từ hồ cấp nước cho 04 xã vùng cao có dung tích 0,74 triệu m³.

7.6. Thoát nước thải

a. Tổng lượng nước thải phát sinh trên địa bàn xã: 141,680 m³/ngđ (đến năm 2030) và 248,400 m³/ngđ (đến năm 2040).

b. Thoát nước thải sinh hoạt:

- Xây dựng hệ thống công thoát nước thải riêng hoàn toàn để thoát nước thải sinh hoạt của khu dân cư. Hệ thống thoát nước thải bao gồm mạng lưới cống, đường ống thu gom và chuyển tải nước thải. Nước thải được thu gom theo nguyên tắc tự chảy.

- Nước bẩn sinh hoạt, chủ yếu thải ra từ các nhà dân, nhà vệ sinh công cộng, sẽ được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn cải tiến trước khi xả ra hệ thống thoát nước chung.

c. Thoát nước thải sản xuất: Nước thải từ các khu chăn nuôi, trồng trọt ngoài việc xử lý bằng hệ thống lọc nội bộ, cần phải được tách riêng ra khỏi hệ thống thoát nước chung.

d. Nước thải công nghiệp: Tại cụm công nghiệp tập trung, nước thải cần được làm sạch theo hai bước:

- Làm sạch lần 1: XLNT cục bộ trong nhà máy

- Làm sạch lần 2 tại trạm XLNT tập trung của khu công nghiệp đạt tới giới hạn B theo QCVN 40-2011/BTNMT trước khi xả ra môi trường bên ngoài.

- Nước thải tiêu thụ công nghiệp, các xí nghiệp phân tán phải xử lý sơ bộ trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung.

7.7. Xử lý chất thải rắn

- Tổng lượng chất thải rắn trên địa bàn xã khoảng: 0,6 tấn/ng.đ (đến năm 2030) và 1,6 tấn/ng.đ (đến năm 2040).

- Chất thải rắn phát sinh từ khu ở, các công trình khác được phân loại tại nguồn rồi thu gom, vận chuyển đến trạm trung chuyển phân tán trên địa bàn xã. Tại trạm chung chuyển, rác thải sẽ được xử lý sơ bộ bằng cách nén, phân từng loại rác có thể tái chế, rác có thể đốt và rác không đốt được rồi được vận chuyển về khu xử lý chất thải rắn chung tại xã Lương Mông (quy hoạch mới, quy mô 3-5 ha) bằng xe cơ giới.

- Đối với các công trình công cộng: Mỗi công trình có thùng đựng rác riêng và rác này sẽ được thu gom và chuyên chở đến điểm tập kết rác theo quy định. Tổ chức thu gom phân loại rác hữu cơ và vô cơ ngay tại nguồn bằng thùng chuyên dụng (màu xanh đựng rác hữu cơ, màu vàng đựng rác vô cơ).

7.8. Nghĩa trang, nghĩa địa

- Giữ nguyên 05 nghĩa trang hiện có, với tổng diện tích là 8,3ha. Cải tạo, nâng cấp chỉnh trang đảm bảo các yêu cầu về môi trường và mỹ quan. Các khu vực nghĩa trang xây dựng cải tạo hệ thống khuôn viên, đường giao thông, thoát nước, cây xanh cách ly theo đúng tiêu chuẩn.

- Giai đoạn tới, xã không xác định quy hoạch mở rộng hoặc quy hoạch mới các nghĩa trang do trên địa bàn diện tích nghĩa trang hiện trạng đã đáp ứng được nhu cầu mai táng cho nhân dân.

8. Quy hoạch phát triển sản xuất

8.1. Sản xuất nông nghiệp

a. Trồng trọt: Phát triển 02 sản phẩm chủ lực là cây Quế (105 ha, sản lượng 580 tấn đến năm 2040), cây dược liệu (120 ha Ba kích và Cát sâm đến năm 2040) và riêng đối với cây Keo định hướng giữ ổn định diện tích hiện có là 133 ha, định hướng dài hạn sẽ thực hiện chuyển đổi cơ cấu sang trồng rừng gỗ lớn, cây bản địa như Lim, Lát, Dổi, Thông...

b. Chăn nuôi: Giảm tỷ lệ chăn nuôi nhỏ lẻ, hộ gia đình, chuyển dịch chăn nuôi tập trung trang trại ở những vùng có mật độ dân số thấp, các vị trí sườn đồi có điều kiện bố trí đất đai để phát triển chăn nuôi. Phát triển 03 sản phẩm chính ở địa phương là Gà, Lợn đen và Dê.

8.2. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

- Phát triển TTCN sớm trở thành ngành sản xuất chủ yếu trong nền kinh tế, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phân công lao động trong nông thôn.

- Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng phải gắn với sản xuất nông nghiệp, cung cấp trang thiết bị hỗ trợ sản xuất giúp tăng hiệu quả sản xuất và giá trị sản phẩm.

- Về tiểu thủ công nghiệp, xã Minh Cầm chưa có làng nghề truyền thống, do vậy cần quan tâm phát triển một cách đa dạng ngành nghề, du nhập các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp mới vào địa bàn từ đó tạo sự chuyển biến nhanh chóng về đời sống nhân dân.

9. Các dự án ưu tiên đầu tư

- Lập quy hoạch cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường; lập quy hoạch chi tiết điểm dân cư.

- Lập dự án cải tạo, nâng cấp đường huyện đi qua địa phận xã; lập dự án cải tạo, nâng cấp các công trình hạ tầng cơ sở cấp xã, cấp thôn.

- Lập dự án thu hút vốn đầu tư ngoài ngân sách.

- Thực hiện các dự án khác theo quy hoạch duyệt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- UBND xã Minh Cầm chịu trách nhiệm quản lý toàn diện các hoạt động về quy hoạch xây dựng trên địa bàn; tổ chức công bố, công khai quy hoạch được duyệt; tổ chức lập kế hoạch thực hiện quy hoạch; cung cấp thông tin về quy hoạch cho các tổ chức cá nhân theo quy định; rà soát, đánh giá, đề xuất thu hồi, huỷ bỏ các quy hoạch không còn phù hợp; đề xuất lập mới, điều chỉnh các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết trên địa bàn để cụ thể hoá Quy hoạch chung xây dựng xã và

làm cơ sở triển khai các dự án đầu tư; đề xuất cụ thể chương trình, hạng mục hạ tầng kỹ thuật ưu tiên đầu tư với huyện.

- Các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính – KH, Nông nghiệp và PTNT, Văn hoá và Thông tin và các cơ quan có chức năng liên quan thực hiện quản lý nhà nước theo chức năng nhiệm vụ được giao.

- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 22/11/2011 của UBND huyện Ba Chẽ về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Minh Cầm giai đoạn 2011-2020.

- Quy định định quản lý theo đồ án quy hoạch: Được ban hành kèm theo Quyết định này và là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và UBND xã Minh Cầm quản lý và giám sát việc đầu tư xây dựng trên địa bàn xã.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính – KH, Nông nghiệp và PTNT, Văn hoá và Thông tin; Chủ tịch UBND xã Minh Cầm và Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- TT Huyện ủy (B/c);
- TT HĐND huyện (B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Như Điều 3 (T/hiện);
- Các phòng, ban ngành thuộc UBND huyện;
- Lưu: VT, KTHT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Mạnh Hùng